

Truyện thơ Lục Vân Tiên – sự tiếp biến ba tư tưởng Nho, Phật, Đạo

Võ Phúc Châu

Không biết tự bao giờ, văn chương Nguyễn Đình Chiểu đã thấm sâu vào đời sống tâm hồn người dân Nam Bộ. Tác giả là một trí thức lớn, quý Phật, gần Đạo, học và sống theo khuôn phép nhà Nho. Vậy mà tác phẩm của ông lại không hề mang âm sắc cao đạo của chuông vàng khánh bạc. Nó tự nhiên và giản dị như phù sa sông bồi. Nó nảy mầm xanh lá như cây gặt đất phù sa. Mỗi tác phẩm, mỗi nhân vật của ông chất chứa một phần yêu thương, khao khát của nhân dân. Bởi nó đã nói thay tư tưởng, tiếng lòng của những con người khai sơn phá thạch: mọi triết lý đều thấm vào hành vi ứng xử, thành những câu ca phật phòng hơi thở cuộc sống; mọi ràng buộc phép tắc bị coi bỏ, được nhân dân đan dệt thành chiếc võng đạo lý, ru bao giấc mơ đầy màu sắc tín ngưỡng dân gian. Đưa tác phẩm của mình về với nhân dân, trở thành báu vật của nhân dân, đó không chỉ bởi tài năng, đó còn bởi Nguyễn Đình Chiểu đã tiếp biến đầy sáng tạo những tư tưởng Nho, Phật, Đạo mà ông thấm nhuần bài bản từ sách vở. Sự tiếp biến ấy đã lộ diện ngay từ tác phẩm lớn đầu tiên của ông: truyện thơ *Lục Vân Tiên*.

Bài viết nhỏ này đi theo sức hút ấy, tìm hiểu vì sao Đồ Chiểu vẫn nói đến Nho, đến Phật, đến Đạo, mà nhân dân lại yêu quý, giữ gìn truyện thơ *Lục Vân Tiên* như chính suy nghĩ, tấm lòng mình.

* * *

Lục Vân Tiên quả là tác phẩm đáng dành làm bài ca hát ru con trẻ, làm lời ngâm tặng vợ chồng son, làm lời nghiêm răn những kẻ ăn ở hai lòng... Âm điệu du dương trầm bổng; chuyện lương duyên kỳ lạ, éo le; lảm thảy chung mà cũng nhiều phản trắc... đó là

sức lay động, sức xuyên thấu mãnh liệt của khúc ca này.

Xét về tư tưởng, thơ *Lục Vân Tiên* đậm màu sắc **Nho giáo**. Lần theo cuộc hành trình của chàng nho sinh Lục Vân Tiên, gặp gỡ tiểu thư Kiều Nguyệt Nga, đối ẩm cùng Hớn Minh, Tử Trực, ẩn dật cùng ông Ngự, ông Tiều..., người đọc nhận ra *Trung – Hiếu – Tiết – Nghĩa*, rồi đến *Nhân – Dũng – Khí*, lại thêm *Nhân – Nghĩa – Lễ – Trí – Tín...* Nhưng suy ngẫm kỹ, tất cả có còn là Nho thoát thai từ sách vở nữa đâu? Nó đã chuyển hóa thành đạo đức, thành đạo lý nhân dân mất rồi!

Bằng khả năng hạn hẹp, người viết bài này chỉ xin tìm hiểu hai nội dung lớn trong đó: **Nhân** và **Nghĩa**.

Mở đầu tác phẩm, chữ Nhân đã xuất hiện qua lời bình thắm thía:

*“Trước đèn xem truyện Tây minh
Gãi cười hai chữ nhân tình éo le”*

Nhân, trong lời thơ, là *lòng người ăn ở với nhau*. Nó là khúc biến tấu từ chữ Nhân của Nho giáo. Trước hết, theo Khổng Tử, *Nhân là sống đúng với mình, sống phải với người*. Nhân dùng để giáo hóa con người,, cải biến xã hội từ loạn thành trị. Vậy ai học được chữ Nhân ấy? Thật khắc nghiệt! Chỉ có người quân tử, tức kẻ có địa vị trong xã hội, mới học được đức nhân. Với Khổng Tử, *chưa hề có người tiểu nhân có nhân*, nghĩa là những người chân lấm tay bùn, cui cút khổ nghèo, muôn đời không thể sống có nhân? Điều này quả thật xa lạ với *Lục Vân Tiên*.

Cũng theo Khổng Tử, *Nhân là sửa mình theo lễ: khi ở nhà thì giữ gìn cho khiêm cung, khi làm việc thì kính cẩn, khi giao tiếp với người thì trung thành*. Cách hiểu này, hóa ra, chỉ đòi hỏi *sự phục tùng của kẻ dưới đối với bề trên*. Xem đó, chữ Nhân trong *Lục Vân Tiên* phóng khoáng hơn nhiều. Có chăng, Nguyễn Đình Chiểu đã học được ở Khổng Tử chữ *Aùì nhân* (lòng thương người).

Theo Khổng Tử, *Nhân là cái gốc đạo đức của con người, là đạo làm người*. Tuy nhiên, đạo làm người của Nguyễn Đình Chiểu lại thật gần gũi, phù hợp với nhân dân.

Xét đến Mạnh Tử, người kế tục Khổng Tử, chữ *Nhân đứng hàng đầu trong bốn đức lớn: Nhân – Nghĩa – Lễ - Trí*. Chúng bắt nguồn từ bốn đầu mối của Thiện. Trong đó, lòng thương xót là đầu mối của Nhân. Tuy nhiên, Nhân – Nghĩa, theo Mạnh Tử, cũng chỉ nhằm duy trì chế độ đẳng cấp mà thôi. Chữ Nhân của Nguyễn Đình Chiểu gần gũi mà thiêng liêng hơn: *biết sống cao đẹp, biết xả thân hy sinh vì người khác*.

Hay như ở Mặc Tử, *Nhân là Kiêm ái* (bao hàm chữ Nghĩa), *là yêu hết thầy mọi người như nhau*, không phân biệt thân – sơ – quý – tiện, yêu người như yêu mình. Điều này có vẻ hẹp so với tinh thần thương ghét phân minh của Đồ Chiểu:

“Vì chưng hay ghét cũng là hay thương”

Hay như:

“Ghét cay, ghét đắng, ghét vào tới tâm”

Nó càng khác xa, khi Mặc Tử còn khẳng định:

“Kiêm ái là đạo của Thánh nhân”.

Sống với thế giới của truyện *Lục Vân Tiên*, người đọc nhận ra chữ Nhân trên mọi nẻo đường. Lòng thương người trở thành một tiêu chuẩn đạo đức của người có đức hạnh. Nó cũng là lối sống của bất cứ ai coi trọng tấm lòng hơn tiền của:

“Làm ơn há để trông người trả ơn”

Truyện *Lục Vân Tiên* thật sự là nơi hội tụ những con người biết yêu thương: chàng Lục Vân Tiên động lòng trước cảnh dân *than khóc tưng bừng*; ông Ngự, ông Tiều cứu vớt, cứu mang người dưng mắc nạn, Tiều đồng khóc thương thầy bạc mệnh,... Với Đồ Chiểu, đức nhân đâu dành riêng cho người quân tử. Nó không phải sự phục tùng. Nó cũng chẳng nhằm duy trì một chế độ đẳng cấp nào. Nó có thương và có ghét, thậm chí ghét rạch ròi. Nó là lòng yêu ghét của người dân lao động. Ngoài ra, lòng

thương người còn được chiếu lung linh qua một không gian huyền diệu: sự phù hộ của lực lượng siêu nhiên dành cho người hiền lành, phúc hậu.

Chữ Nhân, trong tác phẩm, vì thế, có xương cốt là Nhân của Nho giáo nhưng hồn vía là *Lòng thương người*, một nét đẹp ngàn đời của dân tộc Việt Nam:

“Lá lành đùm lá rách”

“Thương người như thể thương thân”

Hay như:

“Bầu ơi thương lấy bí cùng

Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn”

Đến với miền đất bạt ngàn Nam bộ, toàn những con người ly hương, tìm sự sống từ thiên nhiên khắc nghiệt, lòng thương người ấy lại thêm chín đỏ, ngọt ngào.

Tuy nhiên, Đồ Chiểu không hề tách rời **Nhân** với **Nghĩa**. Ông xét chúng trên tinh thần tương hỗ. Để nhận thấy, trong *Lục Vân Tiên*, **Nghĩa** có phần sinh động, sâu sắc và thấu đáo hơn chữ **Nhân**. Xuôi theo dòng suối ngọt tác phẩm, dài 2082 câu thơ, người đọc tìm ra 12 lần nhắc đến Nghĩa, với 14 chữ. Có khi, nó là biến âm theo phương ngôn Nam Bộ: **Ngãi**. Cấu tạo của nó cũng thật sinh động: có lúc biệt lập; có lúc tạo thành tổ hợp: *nhân nghĩa, nhân ngãi, ngãi hơn*. Nó giản dị qua cách nói bình dân: *trọn nghĩa, hết nghĩa, nghĩa sâu*; đôi lúc sang trọng qua cách nói Hán văn: *kiến ngãi bất vi, trọn ngãi khinh tài*. Chữ Nghĩa được đặt vào lời ăn tiếng nói của biết bao nhân vật: Lục Vân Tiên – 3 lần, Ông Ngự – 3 lần, Kiều Nguyệt Nga – 2 lần; Tiều đồng, Sở Vương, Tử Trực, đều cùng một lần lên tiếng. Đặc biệt, có lúc, ta thấy như là lời bình của tác giả:

“Làm người cho biết nghĩa sâu

Gặp cơn hoạn nạn cùng nhau cho tròn”

Chữ Nghĩa ở đây không đối lập với tinh thần Nho giáo. Nó cũng xuất phát từ tinh thần *Kiêm ái* mà Mặc Tử đề cao. Trong đó, Ái là nhân, Kiêm là nghĩa. Nhân nghĩa bao giờ cũng đem lại lợi lớn cho con người. Nó

được hiểu là làm lợi cho người. Lúc này, Nghĩa là danh mà Lợi là thực. Cũng phải khẳng định lần nữa, Kiêm ái, theo Đồ chiêu, không phải là đạo chỉ dành cho thánh nhân.

Chữ Nghĩa được ông hiểu theo tinh thần rộng mở. *Nghĩa là điều hợp với lẽ phải, làm khuôn phép cho cách xử thế của mọi người trong xã hội.* Nó đặc biệt gắn với quan hệ tình cảm thủy chung, phù hợp với những quan niệm đạo đức của nhân dân. Lòng thiện, ghét trong *Lục Vân Tiên* rất gần với chữ Nghĩa của Mạnh Tử ngày xưa.

Nội dung chữ Nghĩa được chuyển tải thông qua các nhân vật chính diện. Trước hết, đó là Lục Vân Tiên. Chàng thư sinh miệt mài đèn sách, chỉ mong sớm ngày bước đến thang mây. Vậy mà, trên bước đường lai kinh ứng thí, chàng đã nán lại, làm một việc nghĩa lớn lao.

Chuyện bọn cướp Phong Lai đâu liên lụy đến chàng. Nhưng học sách thánh hiền, thấy người hoạn nạn, bị ức hiếp, làm sao quân tử cam lòng; thấy bọn gian tà độc ác, làm sao để chúng dung thân? Lục Vân Tiên vụt thành anh hùng chỉ vì thấy việc phải mà làm:

*“Nhớ câu kiến ngãi bất vi
Làm người thế ấy cũng phi anh hùng”*

Chàng không kịp nghĩ đến thiệt hơn, tai họa cho bản thân, cho dù bọn Phong Lai nanh vuốt có cả bày đàn, cho dù chàng chỉ một thân cây làm gậy. Tài năng và sức mạnh chính nghĩa đã giúp chàng chiến thắng. Giúp người xong rồi, chàng chẳng màng được đền ơn, chẳng nhận lấy một chút quà mọn làm kỷ vật. Đó cũng là suy nghĩ theo lẽ phải:

*“Nhớ câu trọng ngãi khinh tài
Nào ai chịu lấy của ai làm gì”*

Phẩm chất ấy của Vân Tiên là Nghĩa trong Nho giáo, nhưng cũng đâu nằm ngoài tấm lòng hào hiệp, tốt bụng của người dân Nam Bộ. Đẹp gian tà có khác gì diệt mãng xà, trừ sâu dữ trên đường khản hoang lập nghiệp?

Nhưng Vân Tiên không học chữ Nghĩa cốt trở thành anh hùng. Chàng học Nghĩa để

làm người, làm đũa con hiếu thảo. Đường công danh đang ở tầm tay, nghe tin mẹ mất, chàng quay về thọ tang. Tiếc thương mẹ, khóc đến mù đôi mắt... Sống sót từ sông sâu, hổ thẳm, chàng về bên mộ mẹ. Bài văn tế cất lên nghẹn ngào đứt ruột:

*“Trường bề nguồn nước cội cây
Công cao ngàn trượng ngãi dày chín trắng”*

Học gương người xưa, chàng tưởng nhớ chín chữ cù lao. Ôn nghĩa sinh thành như nguồn nước cội cây, người quân tử sao quên báo hiếu. Nhớ chữ Ngãi, Vân Tiên đồng thời sống theo chữ Hiếu của dân gian:

*“Công cha như núi Thái Sơn
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra
Một lòng thờ mẹ kính cha
Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con”*

Chưa kể, chàng còn tỏ cái nghĩa với Tiểu đồng. Được ông Tiểu cứu giúp, chàng gặp lại bạn Hớn Minh. Khóc mẹ, chàng còn khóc cho cảnh thảm của Tiểu đồng:

*“Hữu tam bất hiếu đã đành
Tiểu đồng trước đã vì mình thác oan”*

Nho giáo chỉ đòi hỏi kẻ dưới hy sinh, phục tùng tuyệt đối bề trên, nhưng chàng Vân Tiên đã thương tới tứ bằng tình cảm ruột thịt gia đình. Chàng đối xử với Tiểu đồng bằng cả lòng yêu thương và kính trọng một con người biết hy sinh và làm theo lẽ phải. Vậy là chữ Nghĩa của Vân Tiên đẹp trọn cả đôi đường: theo Nho giáo và theo đạo lý nhân dân.

Tiếp theo Lục Vân Tiên là Kiều Nguyệt Nga. Người con gái thủy chung đâu kém chàng về Nghĩa. Kẻ gian đầy nằng làm cống phẩm giặc Ô Qua. Phận nữ nhi ngày xưa, chẳng ai buộc lo đại sự. Nhưng suy nghĩ của nàng đáng cho nam nhi giật mình, khâm phục:

*“Tình phu phụ nghĩa quân thần
Nghĩa xa cũng trọn ơn gần cũng nên”*

Đây hẳn là tư tưởng của Nguyễn Đình Chiểu đó thôi. Nhưng mượn lời Kiều Nguyệt Nga để nói, tức là muốn thêm ánh sáng cho nhân vật rồi. Nàng nghĩ đến nghĩa vua tôi mà cho cái bất hạnh của mình là một cách

đền ơn vua, ơn nước. Nàng nghĩ đến nghĩa vua tôi mà muốn trọn vẹn cả tình nghĩa vợ chồng. Bài toán khó giải đã được nàng khai thông bằng cách hy sinh mạng sống:

*“Ngõ cho ơn ngãi vẹn tuyền
Phòng sau xuống chốn huỳnh tuyền gặp
nhau”*

Sự lựa chọn quyết liệt của Kiều Nguyệt Nga là minh chứng cho kiểu người theo đạo lý nhà Nho. Nhưng mượn dòng nước để quyên sinh, nàng cũng đâu kém gì những liệt phụ trong chuyện dân gian đời trước: xem cái chết là cách thanh thản nhất để giữ tròn tiết hạnh, danh thơm.

Một nhân vật cao đẹp khác chính là ông Ngư. Ông là hình ảnh sinh động của kẻ tiểu nhân, mà ngày xưa, Khổng Tử từng đặt để. Ông bênh bồng *rày doi mai vịnh*, ông ẩn khuất *hôm mai hắm hút*, ông dong thuyền lánh *câu danh lợi*. Ông là hình ảnh của muôn ngàn dân nghèo thả lưới, giăng câu khắp sông rạch miền Nam. Có ai ngờ, con người ấy lại ba lần nhắc chữ nhà Nho: *nhân nghĩa, nhân ngãi, ngãi hơn*. Ông một lòng xem *nhơn ngãi còn hơn bạc vàng*. Nhân nghĩa theo ông, qua việc làm, cả trong câu nói:

*“Ngư rằng: lòng lão chẳng mơ
Dốc lòng hơn nghĩa há chờ trả ơn”*

Ông thương người, làm việc phải, không màng báo đáp, đó là vì học cách người xưa:

*“Xưa còn thương kẻ mắc nạn
Huống nay ai nữ quên đàng ngãi hơn”*

Chẳng biết người xưa là một vị chính nhân quân tử nào, hay là bao người dân nghèo không tên tuổi đã sống đẹp ngoài đời và sống đời trong ký ức của nhân dân.

Việc nghĩa ông làm là cứu sống và cứu mạng Lục Vân Tiên. Tưởng tượng cảnh gia đình ông giành lại mạng sống Vân Tiên mà sao không vui đến rơi nước mắt:

*“Hỏi con vầy lữa một giờ
Ông hơ bụng dạ mụ hơ mặt mày”*

Lòng tốt của ông và vợ con không phân biệt tiểu nhân hay quân tử. Gặp người sắp chết, ông cứu. Gặp người đói, ông sốt cho ăn. Gặp người bơ vơ, ông rộng tình thương che chở. Giả như bấy giờ, Vân Tiên đã đỡ khỏi nguyên, được cứu rồi ra đi, chưa chắc ông đã kịp hay. Đối diện với ông, ai dám nói rằng đức nhân chỉ có ở người quân tử, ở bậc thánh nhân?

Ngay đến nhân vật Tiểu đồng, kẻ tôi tớ, thuộc loại tiểu nhân, cũng nghĩ suy và hành động đâu kém người quân tử. Chú tận tụy chăm sóc cho thầy, bôn ba tìm người chữa chạy để cứu thầy thoát khỏi nan y. Rồi khi ngỡ thầy qua đời, chú ở lại bìa rừng, che mờ tưởng nhớ, không ngớt khói nhang. Lo thầy ám áp lúc sống, chú còn sợ thầy lạnh lẽo ở cõi bên kia. Tiểu đồng quả đã làm theo chữ Nghĩa của người xưa:

*“Dốc lòng trả nợ áo cơm
Sống mà trọn nghĩa, thác thơm danh hiền”*

Chỉ nghe những lời gan ruột này, ai có thể ngờ, đó là tiếng nói của một tiểu nhân trẻ người non dạ. Dường như Nguyễn Đình Chiểu muốn triệt để đề cao cái đẹp của nhân nghĩa, minh họa nó qua mọi thân phận, cảnh đời. Thành ra, rốt cuộc, nó chẳng còn là đặc quyền của bậc thánh nhân. Nó trở thành cái nhân, cái nghĩa của quần chúng lao động. Kẻ tiểu nhân còn thế, bậc quân tử sao thế kém thua. Đò Chiểu đã mượn lời Tử Trục, Sở Vương để tiếp tục nói về nhân nghĩa. Đây là lời của Vương Tử Trục:

*“Than rằng: chạnh nhớ linh xưa
Nghĩa đà kết nghĩa, tình chưa phi tình”*

Nghe tai ương đến với bạn hiền, Tử Trục nhớ nghĩa thâm giao, tiếc tình cảm giao bôi chưa thỏa. Trong con người Tử Trục, nghĩa và tình không thể tách phân. Tình ngày trước thế nào, tình hôm nay vẫn tràn đầy bát nước. Trong nghĩa tình bằng hữu, dường như có cả đức thủy chung!

Vậy mới biết, đi vào cuộc đời thực, Đò Chiểu đã mở cái túi gấm qui phạm Nho giáo mà lấy hạt gieo trên cánh đồng màu mỡ của đạo lý nhân dân.

Còn Sở Vương nhắc chữ Ngãi, thực ra chỉ để chỉnh sửa cái ngai vàng của mình sắp bị kẻ khác đẩy lung lay. Ông là đại diện cao nhất cho hình ảnh thánh nhân của Nho giáo, làm sao có thể nói khác khuôn vàng thước ngọc của nhà Nho? Có điều, sau khi lỡ dùng kẻ gian tà, ông biết kịp thời đứng về phía nhân dân, cầm cân nảy mực, thưởng phạt anh minh:

*“Vây cũng đạo chúa ngài tôi
Thái sư ý muốn cướp ngôi chín trùng*

.....

*Trạng nguyên dẹp giặc đã bình
Kiệu vàng tán bạc hiển vinh về nhà”*

Chuyện một ông vua phong kiến nhắc chữ Ngãi, điều ấy có gì đáng nói. Nhưng đây lại là một ông vua anh minh, đẹp như trong thế giới cổ tích ngày nào. Phải chăng, Nhân Nghĩa đã thoát ly những ràng buộc khắt khe, để thâm nhập vào mơ ước, hoài vọng của nhân dân về một xã hội công bằng thịnh trị.

Chữ Nghĩa, trong truyện thơ, được đặt vào cửa miệng biết bao nhân vật. Không chỉ thế, nó còn biểu hiện gián tiếp qua hành vi quyết liệt của những con người khác. Đó là một trường hợp Hớn Minh. Chàng cũng là con nhà nho khải, đến huyện Loạn Minh, thấy đưa cày quyền giữ trò đồn mật, chàng liền ra tay trừng trị:

*“Tôi bèn nổi giận một khi
Vật chàng xuống đó bẻ đi một giò”*

Hớn Minh đâu phải không biết mình đang động đến con trai quan huyện. Chàng cũng đâu phải không biết cái giá cho hành động của mình là cảnh tù đầy, bế đường khoa cử. Nhưng để sống theo cái Nghĩa, đi đúng lẽ phải ở đời, chàng đã quên mình, không một giây hối tiếc. Chàng chính là hình ảnh hào hiệp, khí khái của con người Nam Bộ, ghét khom lưng, bỏ giặc mộng lâu son, tìm trời xanh khoáng đãng.

Trên đây là vài biểu hiện sống động cho sự tiếp biến tư tưởng Nho giáo trong tác phẩm. Như bao kẻ sĩ có lý tưởng, Nguyễn Đình Chiểu vẫn đi trên con đường mòn Nho giáo.

Nhưng ông không bằng lòng với cái đá sỏi giáo lý trải đường, không hài lòng với cảnh quan khuôn mẫu phong kiến cỗi cằn. Ông vừa đi, vừa trồng trên đó thảm cây xanh rờn rợn của truyền thống đạo lý dân tộc. Nhân nghĩa của Nho giáo, vì thế, hòa quyện vào nhân nghĩa của nhân dân. Nó trở thành thứ tài sản tinh thần của quần chúng nhân dân.

* * *

Tìm hiểu tư tưởng trong *Lục Vân Tiên*, chúng ta không thể bỏ qua màu sắc của **Đạo giáo**. Nguyễn Đình Chiểu, dẫu không trực tiếp phát ngôn nhưng vẫn động chạm nhiều đến Đạo. Đạo giáo vốn là một hệ tư tưởng lớn, chi phối đời sống tinh thần con người phương Đông, không kém gì Nho giáo.

Đạo giáo có hai trường phái lớn: *ấn dật, tu tiên* hoặc *luyện pháp thuật, luyện thuốc trường sinh*. Đọc *Lục Vân Tiên*, ta thấy hiện diện cả hai, nhưng cách nhìn của tác giả thế nào về Đạo, quả là điều phức tạp.

Kiểu ấn dật, tu tiên được nhà thơ liên tưởng khi tả cảnh hữu tình:

*“Người hay lại gặp cảnh hay
Khác nào tiên tử chơi rày Bồng Lai”*

Thế giới Bồng Lai luôn là ước mơ của những ai muốn tránh cõi đời ô trọc. Và biết bao người đã tự tu tiên, tạo cảnh Bồng Lai ngay trên cõi hồng trần. Nguyễn Đình Chiểu nhắc đến họ bằng xúc cảm say sưa, ngưỡng mộ. Họ là ai? Đó là một Nghiêm Lăng *cày mây câu nguyệt*, một Trần Đoàn *gió trắng một túi công hầu chiêm bao*, là bảy người hiền vui trong rừng trúc... Cuộc sống của họ là hình mẫu những con người chán cảnh đua chen trong vòng danh lợi. Nhân vật ông Quán, có lẽ, chính là một phần hình ảnh tác giả. Nhưng khúc ngâm của ông chỉ là một giọng trầm yếm thế trong tư tưởng nhà thơ. Con người nho sĩ dần thân đã vượt lên, che chắn kiểu sống ấn dật này. Dường như Đồ Chiểu chỉ đồng tình, ủng hộ, hơn là muốn sống như thế!

Nhà thơ còn nhắc đến Đạo qua những nhân vật luyện tu pháp thuật. Tôn sư của Lục

Vân Tiên được miêu tả như một vị tiên thánh. Ngài biết được cơ trời huyền bí, biết hậu vận học trò mình:

*“Gãm trong số hệ khoa tràng còn xa
Mấy trời chẳng dám nói ra*

.....

*Rày con xuống chốn phong trần
Thấy cho hai đạo phù thần đem theo”*

Nhờ hai đạo phù thần này mà Vân Tiên đã được Du thần, được Tiên ông cứu độ:

*“Nửa đêm nằm thấy ông tiên
Đem cho chén thuốc mắt liền sáng ra”*

Hình ảnh vị thầy mang cốt cách đạo sĩ tinh thông pháp thuật, nhưng cũng chẳng khác một nhà sư Phật Quang ngày xưa truyền phép cho Chủ Đồng Tử - Tiên Dung. Còn Du thần, Tiên ông cũng đâu ngoài những ông bụt, ông tiên trong cổ tích, trong tín ngưỡng dân gian.

Ở góc độ này, Đạo giáo được Đồ Chiểu hòa trộn vào quan niệm sống, vào thế giới tâm linh của nhân dân, thật tự nhiên, giản dị.

Tuy nhiên, nhà thơ còn nhìn Đạo giáo qua góc cạnh khác: bọn bán thánh buôn thần, bọn tà ma quỷ quái lộng hành trong tác phẩm. Nhà thơ miêu tả chúng thật cận kề. Chúng là một lũ thầy bói, thầy pháp gặt gấm Tiểu đồng, lấy *sáu mươi bốn quẻ, ba trăm dư hào* mà mê hoặc người ta. Chúng là một lũ ô hợp, mượn danh cả Tề Thiên đại thánh, Vương mẫu, đến Phật tổ A Di, ... Chúng là hình ảnh bọn điêu ngoa trong xã hội, hay là sự phản chiếu dấu hiệu suy vi của Đạo bấy giờ?

Có lẽ, điều dễ thấy nhất là Đồ Chiểu thật không thiện cảm với phái luyện tà ma, nói quàng xiên đồng cốt. Sự có mặt của chúng càng làm cho dân tình thêm lao đao, khốn khổ.

Thêm một dạng quái tướng khác của chúng là hình ảnh Cốt Đột *biến hô yêu tà*. Nhân vật Vân Tiên đã trị chúng bằng kiêu tà ma của chúng:

“Vội vàng trở ngựa lui ra

*Truyền thoa máu chó đều thoa ngọn cờ
Ba quân gươm giáo đều dơ
Yêu ma xem thấy một giờ vỡ tan”*

Miêu tả bọn Cốt Đột này, nhà thơ như muốn liên tưởng đến kẻ thù xâm lược. Chúng có tà thuật như đạo sĩ, nhưng chẳng bao giờ là đạo sĩ. Chúng cùng một lũ với bọn Chần tinh, Trần tinh, Mãng xà tinh,... từng tác oai tác quái trong những khu rừng cổ tích. Ngày xưa, đạo lý nhân dân đã trừng trị chúng. Ngày nay, Đồ Chiểu cũng trừng trị chúng bằng đạo lý nhân dân. Càng xem, càng thấy tác giả *Lục Vân Tiên* luôn nhìn Đạo giáo từ quan điểm nhân dân, lấy lợi ích nhân dân mà rọi soi, phán xét.

* * *

Cuối cùng là vấn đề dấu ấn **Phật giáo** trong tác phẩm. Tư tưởng này tỏ ra mờ nhạt nhất. Có lẽ, nó xuất phát từ nhân sinh quan một nhà Nho. Ông là con người dân thân, nhập thế, lấy công danh làm phương cách giúp đời. Ông đối lập với Phật giáo, chủ trương xuất thế, dẹp bỏ hỉ, nộ, ái, ố. Ông yêu, ghét đều quyết liệt, chiến đấu triệt để, truy đuổi cái ác tận cùng. Bởi vậy, Phật giáo không là điểm tựa tinh thần của ông. Tuy nhiên, mỗi khi nhắc đến Phật, ông có một lòng trân trọng, một niềm tin son sắt vào cái Thiện. Đó là câu chuyện chào đời của Vân Tiên, nói theo ngôn ngữ nhân quả nhà Phật:

*“Có người ở quận Đông Thành
Tu nhân tích đức sớm sinh con hiền”*

Đó còn là sự xuất hiện của Phật Quan âm, độ trì Kiều Nguyệt Nga khi nàng trầm mình tự vẫn:

*“Quan âm thương đáng thảo ngay
Bèn đem nàng lại bỏ rày vườn hoa”*

Đó cũng là sự báo mộng của Quan âm, khuyên Lão bà cứu người mắc nạn:

*“Khi khuya nằm thấy Phật bà
Người đà mách bảo nên già tới đây”*

Những cách nói, hình ảnh nhuộm màu Phật giáo vừa nêu, thực ra đâu phải là tư tưởng Phật giáo. Bởi trong tác phẩm, đâu chỉ có Phật Bà mới ra tay cứu nhân, độ thế. Trên

kia, ta đã nhắc một Du thần, một Tiên ông. Ta còn biết có cả Sơn quân trên rừng, Giao long dưới nước. Hồ dữ từng xé xác người, Giao long từng gây sóng ác. Vậy mà lực lượng ấy lại tìm cứu người hiền. Có lẽ, tất cả nên được gọi chung là lực lượng siêu nhiên, phò trợ cho chính nghĩa. Về mặt này, Nguyễn Đình Chiểu đã học tập rất thành công truyện cổ tích thần kỳ.

Xem lại suốt đường đời nhân vật Lục Vân Tiên, Kiều Nguyệt Nga, ta không thấy cách lý giải như Nguyễn Du đã từng cắt nghĩa nổi long đong, bất hạnh của nàng Kiều. Đôi vợ chồng trai anh hùng – gái thuyền quyên này gặp bất hạnh, không vì có tên trong *Sổ đoạn trường*; được hưởng hạnh phúc không vì *gieo nhân gặt quả*, mà đơn giản chỉ vì *Ở hiền gặp lành*, đúng theo đạo lý, đạo đức nhân dân. Cha mẹ Vân Tiên có con đức tài lỗi lạc cũng nhờ sống theo đạo lý đó. Rõ ràng, Nguyễn Đình Chiểu không đứng trên tinh thần Phật giáo để lý giải cuộc đời.

Nhưng cũng phải thấy, ông đã mượn phần vỏ bọc *bác ái, nhân – quả, sự mầu nhiệm* của Phật giáo để diễn đạt đầy thuyết phục *Tinh thần tương thân tương ái, Ở hiền gặp*

lành, Ác giả ác báo,... của quần chúng nhân dân.

* * *

Như vậy, trong suốt 2082 câu thơ, Nguyễn Đình Chiểu đã tiếp biến đầy sáng tạo ba tư tưởng Nho, Phật, Đạo, trên nền tảng đạo đức, đạo lý của nhân dân. Truyện thơ *Lục Vân Tiên*, chính vì thế, là một bài ca lớn về tư tưởng. Người đọc tìm thấy sự hợp lưu kỳ thú giữa các luồng tư tưởng ngay trên mảnh đất Nam Bộ trẻ trung, hoang sơ và phóng khoáng. Nho giáo đạo mạo nơi đâu chẳng biết, Đạo giáo tu tiên chốn nào chẳng hay, Phật giáo cầu siêu cõi nào chưa rõ, chỉ thấy rõ ràng, ba luồng sáng ấy hội tụ và soi rọi một điều trang trọng: tư tưởng, đạo đức, đạo lý ngàn đời của dân tộc Việt Nam là tốt đẹp và phù hợp với tư tưởng tiến bộ của nhân loại từ xưa. Về điểm này, quả thật, Nguyễn Đình Chiểu đã có công lao xuất sắc.

TP. HCM, tháng 10 năm 2001

Võ Phúc Châu

Nguồn: <http://www.vanchuongviet.org>